

Số: **03** /2017/NQ - HĐND

Bắc Kạn, ngày **M** tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
(nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Xét Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương) là 1.777.153 triệu đồng. Trong đó:

1. Nguồn vốn Cân đối ngân sách: 1.382.053 triệu đồng.
2. Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 342.000 triệu đồng.
3. Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 53.100 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

H. PHÁP T. BẮC K. A.
H. NG. VAN BEN
Số ... 1373
v. q. dy 24/14/2017

Điều 2. Những nội dung chưa phân bổ cụ thể tại kỳ họp hoặc điều chỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phân bổ, điều chỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 11 tháng 4 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 4 năm 2017. /

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- TT Huyện (Thành ủy), HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, HS

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du



Biểu số 01
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)

Kèm theo Nghị quyết số **03**/2017/NQ-HĐND ngày **11** tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ		7.077.420	2.719.331	3.766.560	761.477	2.431.757	1.777.153			
A	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH		7.077.420	2.719.331	3.766.560	761.477	2.036.657	1.382.053			
I	TRẢ NỢ VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI		115.893	115.893			29.127	29.127		Sở Tài chính	
II	Thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND ngày 3/4/2015						28.000	28.000		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
III	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG		111.342	78.668	20.926	20.926	45.107	40.000			
1	Các dự án hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng trước năm 2015		18.945	18.945	15.617	15.617	3.315	3.315			
1.1	Đã quyết toán		5.291	5.291	4.000	4.000	1.278	1.278			
1	Đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu thành Trung tâm dữ liệu ảo hóa của tỉnh (giai đoạn I)	1719/QĐ-UBND ngày 07/10/2014	5.291	5.291	4.000	4.000	1.278	1.278	100	TTCNTT	
1.2	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		13.654	13.654	11.617	11.617	2.037	2.037			
1	Tăng cường tiềm lực trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Bắc Kạn	2452/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	9.633	9.633	8.039	8.039	1.594	1.594	100	Sở KH-CN	
2	Tăng cường tiềm lực trang TB trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN (gđ2)	2042/QĐ-UBND ngày 27/9/2010	4.021	4.021	3.578	3.578	443	443	100	Sở KH-CN	
2	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		20.685	20.685	5.309	5.309	13.396	13.396			
1	Dự án tăng cường tiềm lực Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1887/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	19.798	19.798	4.809	4.809	13.009	13.009	90	Sở KH-CN	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Xây dựng hệ thống phần mềm thông báo và quản lý lưu trú trực tuyến	1919/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	887	887	500	500	387	387	100	Công an tỉnh	
3	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		71.712	39.038	0	0	25.828	20.721			
1	Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng trung tâm dịch vụ hành chính công thành phố Bắc Kạn	747/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	7.718	2.044			7.151	2.044	100	UBND thành phố Bắc Kạn	
2	Dự án nâng cấp thư điện tử tỉnh Bắc Kạn	307/QĐ-UBND ngày 09/03/2016	1.860	1.860			1.860	1.860	100	TTCNTT	
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020	1748/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	8.358	8.358			7.522	7.522	90	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước hướng tới xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020	433/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	45.500	18.500			1.847	1.847	10	TTCNTT	
5	Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn III từ năm 2017-2020		8.276	8.276			7.448	7.448	90	Sở KH-CN	
4	Dự phòng điều chỉnh tổng mức dự án						2.568	2.568			
IV	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO		930.891	629.241	421.328	234.925	345.656	223.000			
1	Các dự án hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng trước năm 2015		285.431	138.849	225.962	99.769	18.782	18.782			
1.1	Đã quyết toán		181.842	88.063	145.161	71.499	5.109	5.109			
1	Trung tâm KTTH-Hướng nghiệp dạy nghề		5.828	5.828	5.069	5.069	759	759	100	Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề	
2	Trường PTDT Nội trú huyện Ba Bể	412/QĐ-UBND ngày 04/03/2009	4.089	4.089	2.345	2.345	33	33	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	



STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CDNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CDNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CDNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Trường THPT Yên Hân. Hàng mục nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh, cấp điện ngoài nhà	2029/QĐ-UBND ngày 18/10/2007	1.856	1.856	1.277	1.277	152	152	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Trường THCS Nà Khoang, huyện Ngân Sơn	1978/QĐ-UBND ngày 22/09/2010	7.327	3.703	1.370	1.370	494	494	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Phòng chống mối công trình cải tạo trụ sở làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Kạn	3085/QĐ-UBND ngày 07/10/2009	261	261	205	205	41	41	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn (Các công trình đã phê duyệt quyết toán 45 gói thầu)		65.165	7.615	53.806	7.305	297	297	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
7	Dự án Phát triển Giáo dục THCS II		16.336	2.025	12.474	1.880	140	140	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
8	Dự án phát triển giáo dục THCS vùng khó khăn nhất		16.063		14.520	0	47	47	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
9	Trường THCS Bộc Bô, huyện Pác Nặm, HM: Nhà lớp học 01 phòng	880/QĐ-UBND ngày 11/6/2013	296	2	266		2	2	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
10	Trường THCS Nhân Môn, huyện Pác Nặm, HM: Nhà lớp học 03 phòng học	904/QĐ-UBND ngày 14/6/2013	952	4	860		4	4	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
11	Trường THCS Bằng Thành, huyện Pác Nặm, HM: Nhà lớp học 02 phòng học	1913/QĐ-UBND ngày 04/11/2013	472	12	458		12	12	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
12	Trường THPT Quảng Khê (bậc THCS) Nhà lớp học 02 phòng học	905/QĐ-UBND ngày 14/6/2013	531	2	463		2	2	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
13	Khu nội trú trường THPT Yên Hân huyện Chợ Mới	1983/QĐ-UBND ngày 5/11/2014	27.038	27.038	20.663	20.663	244	244	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
14	Trung tâm dạy nghề Hội Nông Dân	248/QĐ-UBND ngày 24/1/2014	16.295	16.295	13.056	13.056	2.606	2.606	100	Hội Nông dân	
15	Trường tiểu học Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn	1568/QĐ-UBND ngày 28/01/2001	6.194	6.194	5.209	5.209	105	105	100	UBND thành phố Bắc Kạn	
16	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới trường chính trị tỉnh Bắc Kạn		13.139	13.139	13.120	13.120	171	171	100	Trường chính trị tỉnh	
1.2	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		103.589	50.786	80.801	28.270	13.673	13.673			
1	Hoàn trả kiến nghị xử lý tài chính theo kết luận kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ năm 2013		7.964	7.964			7.964	7.964	100	Sở Tài chính	
2	Trường THCS Chợ Rã, huyện Ba Bể	1951/QĐ-UBND ngày 23/11/2012	19.034	19.034	16.351	16.351	500	500	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Trường THCS Thượng Giáo, Ba Bể	2699/QĐ-UBND ngày 02/10/2003	11.114	200	10.642		200	200	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Mua sắm thiết bị nội thất nhà đa chức năng Sở GD&ĐT	1391/QĐ-UBND ngày 10/9/2012	946	946	750	750	102	102	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Kạn	1689 ngày 09/9/2008	53.128	11.239	41.889		3.887	3.887	35	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Trường Cao đẳng cộng đồng (giai đoạn I)		6.972	6.972	7.152	7.152	606	606		Ban QLDA đầu tư xây	
7	Kê đá trường THPT Nà Phặc	2413 ngày 9/7/2009	4.431	4.431	4.017	4.017	414	414	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		455.738	352.073	195.366	135.156	154.124	77.730			



STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Trường THCS Đức Xuân	1549/QĐ-UBND ngày 11/09/2014	49.149	44.235	26.852	26.852	17.383	17.383	100	UBND thành phố Bắc Kạn	
2	Trường PTDTNT huyện Ba Bể	1946/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	22.015	22.015	154	154	19.660	19.660	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Trường mầm non Chí Kiên	2340/QĐ-UBND ngày 8/8/2016	35.952	3.571	0	0	32.357	79		UBND thành phố Bắc Kạn	
4	Trường Mầm non Liên Cơ huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	669/QĐ-UBND ngày 23/4/2014	18.208	4.824	15.384	2.000	800	800	58	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Trường THPT chuyên Bắc Kạn	1790/QĐ-UBND ngày 04/11/2015	66.023	66.023	57.451	57.451	1.970	1.970	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Tr. THPT Na Rì	2424/QĐ-UBND ngày 21/11/2008	15.768	15.768	12.638	12.638	1.553	1.553	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
7	Trường mầm non Khang Ninh (phần đối ứng của tỉnh)	2703/QĐ-UBND ngày 10/10/2014	14.429	4.000	8.870	0	5.559	4.000	100	UBND huyện Ba Bể	
8	Hỗ trợ nâng cấp, cải tạo các trường đạt năm 2016		15.913	15.913			15.913	15.913	100	UBND các huyện, thành phố	
9	Trường PTDTNT THCS huyện Chợ Mới	736/QĐ-UBND ngày 16/5/2013	73.774	31.217	26.217	26.217	47.557	5.000	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
10	Trường THPT Nà Phặc. Hạng mục San nền, hạ tầng kỹ thuật	1005/QĐ-UBND ngày 23/05/2006	6.483	6.483	1.501	1.501	400	400	29	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
11	Trường PTDT Nội trú tỉnh Bắc Kạn	Số 2426 ngày 28/12/2011	28.237	28.237	16.576		104	104	0	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Trường Phổ thông DTNT Chợ Đồn	Số 2199 ngày 25/11/2011	32.249	32.249	21.380		3.869	3.869	12	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
13	Trường THPT Chợ Đồn (gd2)	3785/QĐ-UBND ngày 14/12/2009	77.538	77.538	8.343	8.343	7.000	7.000	20	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		189.722	138.319	0	0	172.750	126.487			
1	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường THPT Chợ Đồn	439/QĐ-UBND 31/3/2016	12.096	12.096	0	0	10.886	10.886	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường THPT Bình Trung		10.000	10.000			9.000	9.000	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Trường mầm non phường Xuất Hóa	1659 ngày 19/10/2016	32.200	16.100	0	0	28.980	14.490	90	UBND thành phố Bắc Kạn	
4	Trường tiểu học Thượng Giáo		3.552	3.552			3.197	3.197	90	UBND huyện Ba Bể	
5	Hỗ trợ đầu tư nhà bán trú dân nuôi trên địa bàn các huyện		25.015	20.000	0	0	22.514	18.000	90		
-	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trên địa bàn huyện Ba Bể giai đoạn 2016-2020		4.874	3.944			4.387	3.550	90	UBND huyện Ba Bể	
-	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trường Phổ thông cơ sở Yên Mỹ, huyện Chợ Đồn		954	760			859	684	90	UBND huyện Chợ Đồn	
-	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trường Tiểu học Cao Kỳ, huyện Chợ Mới		757	603			681	543	90	UBND huyện Chợ Mới	
-	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trên địa bàn huyện Na Rì giai đoạn 2016-2020		3.051	2.432			2.746	2.189	90	UBND huyện Na Rì	

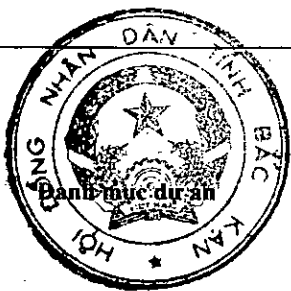
STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trên địa bàn huyện Ngân Sơn giai đoạn 2016-2020		5.819	4.639			5.237	4.175	90	UBND huyện Ngân Sơn	
-	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trên địa bàn huyện Pác Nặm giai đoạn 2016-2020		9.560	7.621			8.604	6.859	90	UBND huyện Pác Nặm	
6	Hỗ trợ trường đạt chuẩn cho các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020		90.129	59.841	0	0	81.116	53.857	90		
6.1	Trường THCS Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn	899A ngày 31/3/2016	13.316	7.500			11.984	6.750	90	UBND thành phố Bắc Kạn	
6.2	Trường PTCS Quang Thuận, xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn		6.000	6.000			5.400	5.400	90	UBND huyện Bạch Thông	
6.3	Nâng cấp sửa chữa trường Mầm non Yên Định để công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia mức độ I		8.538	3.341			7.684	3.007	90	UBND huyện Chợ Mới	
6.4	Nhà lớp học trường Mầm non Kim Lư, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn		5.700	5.700			5.130	5.130	90	UBND huyện Na Rì	
6.5	Trường THCS Hà Hiệu, huyện Ba Bể		7.500	7.500			6.750	6.750	90	UBND huyện Ba Bể	
6.6	Sửa chữa nhà lớp học trường Tiểu học Hào Nghĩa, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn		1.800	1.800			1.620	1.620	90	UBND huyện Na Rì	
6.7	Nâng cấp, cải tạo Trường tiểu học và THCS Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm		9.200	5.500			8.280	4.950	90	UBND huyện Pác Nặm	
6.8	Trường mầm non Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm		4.000	2.000			3.600	1.800	90	UBND huyện Pác Nặm	
6.9	Trường Tiểu học và THCS Đông Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn		8.433	7.500			7.590	6.750	90	UBND huyện Chợ Đồn	
6.10	Trường THCS Vân Tùng huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn		10.354	7.500			9.319	6.750	90	UBND huyện Ngân Sơn	
6.11	Trường tiểu học Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn		1.500	1.500			1.350	1.350	90	UBND huyện Bạch Thông	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6.12	Nâng cấp trường tiểu học Nông Thịnh để công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ I		7.189	2.000			6.470	1.800	90	UBND huyện Chợ Mới	
6.13	Xây dựng trường mầm non Nông Thịnh đạt chuẩn Quốc gia		6.599	2.000			5.939	1.800	90	UBND huyện Chợ Mới	
7	Trường THCS Dương Quang, thành phố Bắc Kạn		11.319	11.319			10.187	10.187	90	UBND thành phố Bắc Kạn	
8	Trường tiểu học và THCS xã Cao Trĩ	1599/QĐ-UBND 31/3/2016	5.411	5.411			4.870	4.870	90	UBND huyện Ba Bể	
9	Dự phòng điều chỉnh TMĐT						2.000	2.000			
V	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP TỈNH ĐIỀU HÀNH		5.919.294	1.895.529	3.324.306	505.626	1.588.767	1.061.926			
V.1	Ngân sách tỉnh điều hành		5.919.294	1.895.529	3.324.306	505.626	1.270.189	743.348			
1	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi các công trình thuộc Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ		70.000	70.000	24.000	24.000	12.000	12.000		Sở Tài chính	
2	Trả phí tạm ứng vốn Kho bạc Nhà nước năm 2016						1.800	1.800		Sở Tài chính	
3	Hỗ trợ UBND huyện Bạch Thông thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã Quân Bình và xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông để đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016						19.510	19.510		UBND huyện Bạch Thông	
4	Chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới						166	166			
5	Đối ứng các dự án ODA hoàn thành và chuyển tiếp		788.021	173.278	435.465	1.455	201.234	125.196			
6	Các dự án hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng trước năm 2015		2.620.598	1.094.651	1.815.807	436.217	300.513	292.383			
6.1	Đã quyết toán		1.420.426	741.585	934.972	386.034	202.502	194.372			
1	Kê xứ đồng Đông Chốt - Cốc Lái - Nà Ka - Pù Mò, xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	915/QĐ-UBND ngày 28/5/2012	6.783	6.783	5.988	5.988	782	782	100	UBND huyện Ngân Sơn	



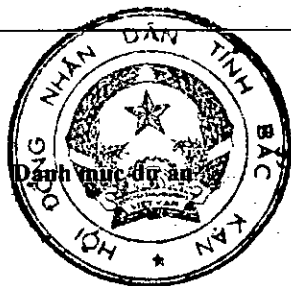
STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CBNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CBNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CBNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Kè chống xói lở bờ sông Cầu đoạn qua xã Yên Đĩnh và thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới	937/QĐ-UBND ngày 20/6/2013	24.941	24.941	21.707	21.707	3.184	3.184	100	UBND huyện Chợ Mới	
3	Trụ sở UBND xã Giáo Hiệu	2091/QĐ-UBND ngày 01/12/2010	4.888	4.888	4.498	291	59	59	100	UBND huyện Pác Nặm	
4	Dự án mua sắm trang thiết bị Y tế bệnh viện đa khoa huyện Chợ Mới	1296/QĐ-UBND ngày 17/6/2009	8.968		7.600		46	46	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Trạm y tế xã Bằng Vân	378/QĐ-UBND 26/3/2012	4.503	968	3.535	0	518	518	100	UBND huyện Ngân Sơn	
6	Khu tái định cư Bắc Sông Cầu (GD CBĐT)				100	100	201	201	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
7	Mở nền đường khắc phục hậu quả bão lụt, ĐBGT năm 2013 tại Km19+910 ĐT257B, tỉnh Bắc Kạn	553/QĐ-SGTVT ngày 27/12/2013	2.932	2.932	2.100	2.100	824	824	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
8	Trụ sở làm việc và lưu trữ hồ sơ Sở Lao động Thương binh và xã hội		4.389	4.389	3.490	3.490	150	150	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
9	Trung tâm dạy nghề huyện Chợ Mới (GD3)	2304/QĐ-UBND ngày 13/12/11	4.548	4.548	3.951	3.951	330	330	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
10	Trụ sở UBND xã Bằng Lăng	957/QĐ-UBND ngày 28/6/2012	8.133	8.133	2.300	2.300	5.480	5.480	100	UBND huyện Chợ Đồn	
11	Dự án Sân vận động tỉnh Bắc Kạn (GD CBĐT)	2728/QĐ-UBND ngày 31/10/2005	86.502	86.502	795	795	1.409	1.409	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Khắc phục hậu quả bão lụt, ĐBGT bước 1 đợt 1 năm 2013 trên tuyến đường ĐT251; ĐT252; ĐT252B; ĐT253; ĐT254; ĐT254B; ĐT255; ĐT255B	323/QĐ-UBND ngày 25/02/2014	3.402	3.402	1.700	1.700	1.667	1.667	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
13	Đường Bằng Lũng - Bàn Tàn - Bằng Lăng	603 ngày 26/4/2012	30.569	4.204	24.068	24.068	4.175	4.175	100	UBND huyện Chợ Đồn	
14	Khắc phục hậu quả bão lụt, ĐBGT bước 1 đợt 1 năm 2013 trên tuyến đường ĐT256, tỉnh Bắc Kạn	324/QĐ-UBND ngày 25/02/2014	3.507	3.507	1.700	1.700	1.805	1.805	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
15	Khắc phục hậu quả bão lụt, ĐBGT bước 1 đợt 1 năm 2013 trên tuyến đường ĐT259 và ĐT259B	2490/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	5.193	5.193	0	0	5.193	5.193	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
16	Khắc phục hậu quả bão, lụt, đảm bảo giao thông bước 1, đợt 3 năm 2013 tại Km19+370 ĐT258	726/QĐ-UBND ngày 05/5/2014	3.714	3.714	1.700	1.700	2.015	2.015	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
17	Kè chống xói lở khu cánh đồng bản mới xã Hà Hiệu	1390/QĐ-UBND ngày 20/08/2014	13.668	13.668	9.240	9.240	4.429	4.429	100	UBND huyện Ba Bể	
18	Xây dựng, nâng cấp và sửa chữa trụ sở sở GTVT tỉnh Bắc Kạn		6.063	6.063	4.758	4.758	1.305	1.305	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
19	Trung tâm dạy nghề huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2305/QĐ-UBND ngày 13/12/11	10.562	10.562	9.104	9.104	985	985	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	



STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
20	Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Bắc Kạn	Số 1991/QĐ-UBND ngày 25/10/11	8.260	8.260	6.857	6.857	484	484	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
21	Dự án di dân tái định cư vùng thiên tai thôn Khâu Vai xã Bộc Bố huyện Pác Nặm	2616/QĐ-UBND ngày 31/12/2011	7.407	741	6.529		19	19	100	UBND huyện Pác Nặm	
22	Đầu tư nuôi trồng thủy sản hồ Bán Vải, Bán Nà xã Khang Ninh, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (giai đoạn CBĐT)		400	400	148	6.529	388	388	100	Sở NN&PTNT	
23	Trụ sở UBND xã Nam Cường	687 29/4/2014	6.967	6.967	1.400	1.400	5.219	5.219	100	UBND huyện Chợ Đồn	
24	Đường GTNT Nà Mương Khuôn Ruộng xã Lương Bằng	1358/QĐ-UBND ngày 27/8/2013	16.231	3.330	13.992		1.601	1.601	100	UBND huyện Chợ Đồn	
25	Xây dựng hệ thống tín hiệu điều khiển giao thông tại nút giao đường Hùng Vương với đường Thành Công; Sơn đường tại nút giao giữa đường Trường Chinh với Dương Mạc Hiếu và nút giao giữa đường Phùng Chí Kiên với đường Kom Tum và đường Trường Chinh		1.898	1.898	805	805	1.094	1.094	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
26	Mua sắm TTB Y tế và hệ thống xử lý chất thải cho Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	1401/QĐ-UBND (30/8/2013)	4.046	4.046	3.406	3.406	237	237	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
27	Trụ sở UBND xã Vũ Loan	2166/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	5.562	860	4.702		819	819	100	UBND huyện Na Rì	
28	Trụ sở UBND xã Thuận Mang	2155/QĐ-UBND ngày 22/12/2011	8.250	8.250	1.300	1.300	5.703	5.703	100	UBND huyện Ngân Sơn	
29	Trụ sở hạt kiểm lâm Chợ Đồn	997/QĐ-UBND ngày 18/06/2014	6.006	6.006	4.401	4.401	1.514	1.514	100	Chi cục Kiểm lâm	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
30	Đài phát thanh và truyền hình Bắc Kạn - giai đoạn I		11.989		6.455		1.391	1.391	100	Đài PT-TH	
31	Trụ sở hạt kiểm lâm Na Rì	728/QĐ-UBND ngày 5/5/2014	6.155	6.155	5.465	5.465	493	493	100	Chi cục Kiểm lâm	
32	CN& VSTH huyện Ngân Sơn	1823/QĐ-UBND 25/10/2012	3.542	3.542	1.290		1.670	1.670	100	TT NSH&VSMTN T	
33	Dự án SC, NC CNSH xã Nguyên Phúc, Bạch Thông	1734/QĐ-UBND, 18/10/2013	4.861	4.861	1.910		1.889	1.889	100	TT NSH&VSMTN T	
34	Bê đặt 2 nhóm tượng và tường bê tông lắp đặt bức tranh gốm tượng đài chiến thắng tỉnh Bắc Kạn	1815/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	2.968	2.695	1.600	1.600	991	991	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
35	CN& VSTH huyện Na Rỳ	1735/QĐ-UBND 18/10/2013	3.202	3.202	1.270		1.341	1.341	100	TT NSH&VSMTN T	
36	Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hàng rào khu Văn hóa thể thao Tổng Địch	1818/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	1.249	1.249	450	450	722	722	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
37	Sửa chữa, cải tạo nhà thư viện tỉnh	2100/QĐ-UBND ngày 27/11/2013	3.103	1.903	1.200	1.200	1.465	1.465	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
38	Trụ sở UBND xã Xuân Lạc	1164/QĐ-UBND ngày 30/7/2013	11.315	2.575	8.799		1.157	1.157	100	UBND huyện Chợ Đồn	
39	Bảo tồn, đầu tư và phát triển làng văn hóa dân tộc Tày bản Pác Ngòi, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể	2112/QĐ-UBND ngày 19/10/2006	6.303	150	4.730		95	95	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
40	Kè chống xói lở khu cầu xã Văn Tùng, huyện Ngân Sơn		13.500	13.500	6.500	6.500	5.641	5.641	100	UBND huyện Ngân Sơn	
41	Chợ Nam Cường	1254/QĐ-UBND ngày 06/08/2013	8.349	629	7.422		628	628	100	UBND huyện Chợ Đồn	



STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
42	Bệnh viện Bộc Bó, huyện Pác Nặm	1613/QĐ-UBND ngày 5/9/2007	13.562	13.562	12.216	12.216	157	157	100	UBND huyện Pác Nặm	
43	Kè chống xói lở bờ sông Cầu đoạn từ trường THCS đến cầu Khe Thi, xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	2337/QĐ-UBND ngày 31/12/2011	14.491	1.902	12.884	295	1.607	1.607	100	UBND huyện Chợ Mới	
44	Hệ thống cấp nước và vệ sinh các trạm y tế năm 2012	1872/QĐ-UBND ngày 12/11/2012	1.914	124	1.854		124	124	100	Sở Y tế	
45	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Bắc Kạn	2812/QĐ-UBND ngày 31/12/2008	17.247		14.339		65	65	100	Sở Y tế	
46	Hệ thống cấp nước và vệ sinh các TYT năm 2011	Số 1244/QĐ-UBND ngày 12/7/2011	1.602	64	1.538		64	64	100	Sở Y tế	
47	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm thực phẩm	2329/QĐ-UBND ngày 19/12/2011	14.654	2	11.575	1.500	2	2	100	Sở Y tế	
48	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe tỉnh Bắc Kạn	3339/QĐ-UBND ngày 29/10/2009	6.720	48	6.589	1.067	48	48	100	Sở Y tế	
49	Hệ thống cấp nước và vệ sinh các TYT (năm 2010)	2653/QĐ-UBND ngày 27/8/2009	3.721	44	3.677		44	44	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
50	Khắc phục hậu quả bão lụt, ĐBGTT bước 1 đợt 2 năm 2013 trên tuyến đường ĐT258, tỉnh Bắc Kạn	1995/QĐ-UBND ngày 14/11/2013	8.768	8.768	1.500	1.500	3.733	3.733	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
51	Khắc phục hậu quả bão lụt, ĐBGTT bước 1 đợt 3 năm 2013 trên tuyến đường ĐT258, tỉnh Bắc Kạn	2464/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	9.079	9.079	300	300	5.259	5.259	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
52	Mở nền đường khắc phục hậu quả bão lụt, ĐBGT năm 2013 tại Km5+400 ĐT258, tỉnh Bắc Kạn	551/QĐ-SGTVT ngày 27/12/2013	13.804	13.804	5.900	5.900	1.904	1.904	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
53	Khắc phục hậu quả do mưa lũ đối với công trình phòng thủ tỉnh	1809/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	6.056	6.056	2.500		3.502	3.502	100	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
54	CT 229 - BT, thuộc huyện Bạch Thông	08/QĐ-UBND ngày 06/01/2014	41.399	6.043	35.356		3.009	3.009	100	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
55	Trụ sở UBND xã Cao Tân	1937/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	6.759	6.759	5.782		282	282	100	UBND huyện Pác Nặm	
56	Trụ sở UBND xã Vân Tùng	2248a/QĐ-UBND ngày 19/12/2008	4.156	4.156	3.741		415	415	100	UBND huyện Ngân Sơn	
57	Đường vào nhà máy tinh bột sắn Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1028/QĐ-UBND ngày 13/6/2003	3.000	3.000	2.586	2.586	3	3	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
58	Đường liên xã Hà Vĩ - Lục Bình - Tú Trĩ, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	145/QĐ-UBND ngày 24/12/2007	20.769	7	19.070	19.070	7	7	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	

STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
59	Cầu dân thép Quân Bình, Bạch Thông	2592/QĐ-UBND ngày 15/12/2008	6.409		5.514	5.514	77	77	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
60	CN& VSTH huyện Chợ Đồn	1822/QĐ-UBND 25/10/2013	3.664	3.664	1.383		1.582	1.582	100	TT NSH&VSMTN T	
61	Mua sắm TTB cho hoạt động của các chương trình Phòng chống Lao, phòng chống Phong và chăm sóc sức khỏe Tâm thần cộng đồng thuộc Trung tâm PCBXH	1898/QĐ-UBND ngày 14/11/2011	7.473		2.944		511	511	100	Sở Y tế	
62	Khắc phục hậu quả do cơn bão số 2 gây ra đối với các công trình phòng thủ của tỉnh năm 2014	1945/QĐ-UBND ngày 31/8/2014 5/9/2007	1.830	1.830	600		1.678	1.678	100	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
63	Cải tạo sửa chữa công trình thủy lợi Pù lòn, xã Bình Văn	2230/QĐ-UBND ngày 8/12/2014	5.033	5.033	1.422	1.422	3.488	3.488	100	Sở NN&PTNT	
64	Kè chống xói lở bờ Sông Cầu đoạn từ thôn Bán Lán đến thôn nà Mạn và đoạn Tổng Lôm thôn Pác Kéo xã Phương Viên	295/QĐ-UBND ngày 05/02/2010	34.874	34.874	18.187	18.187	5.946	1	100	UBND huyện Chợ Đồn	
65	Cấp nước sinh hoạt Vườn quốc gia Ba Bể		2.610	288	1.891		288	288	100	Vườn Quốc gia Ba Bể	
66	Cải tạo, nâng cấp hồ Khuổi Cáp, thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	201/QĐ-UBND ngày 22/01/2014	10.934	65	8.053		65	65	100	UBND huyện Ngân Sơn	
67	Trụ sở xã Đôn Phong	883 ngày 31/5/2011	5.544	5.544	4.796	4.796	248	248	100	UBND huyện Bạch Thông	
68	Trụ sở UBND xã Nguyên Phúc	2371a/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	7.060	7.060	1.650	1.650	3.966	3.966	100	UBND huyện Bạch Thông	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
69	Trạm Kiểm lâm Đán Đeng, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể	1817/QĐ-UBND ngày 07/9/2010	493	55	438		4	4	100	Vườn Quốc gia Ba Bể	
70	Khắc phục sạt lở tuyến đường ĐH21, xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn	2532/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	1.216	1.216	871	871	346	346	100	UBND huyện Ngân Sơn	
71	Xử lý, di chuyển và xây dựng bãi rác tại xã Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn	324a/QĐ-UBND ngày 27/2/2012	16.007	16.007	6.494	6.494	9.022	9.022	100	UBND thành phố Bắc Kạn	
72	Sửa chữa, bổ sung thiết bị hội trường lớn và trụ sở các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy Bắc Kạn	1494/QĐ-UBND ngày 25/09/2015	16.116	16.116	0	0	16.116	16.116	100	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh	
73	Các công trình khắc phục HQBL, ĐBGT năm 2014, năm 2015		24.360	24.360	12.950	12.950	1.225	1.225	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
74	Hồ chứa nước Khuổi Cuộn xã Nông Hạ	1824 ngày 25/10/2013	49.259	6.884	42.360		1.970	1.970	100	UBND huyện Chợ Mới	
75	Đầu tư hệ thống thiết bị trường quay, thiết bị sản xuất chương trình và phát sóng tự động cho Đài phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn	1796/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	19.999	999	17.000	17.000	2.076	76	100	Đài PT-TH	
76	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư thôn Nà Cháo, xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	323/QĐ-UBND ngày 6/3/2012	22.979	2.298	20.418		526	526	100	UBND huyện Ngân Sơn	
77	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Bể	2139/QĐ-UBND ngày 30/10/2008	33.841		31.526		196	196	100	UBND huyện Ba Bể	



STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
78	Cải tạo sửa chữa ĐT 258 đoạn tuyến từ Km0+00 - Km1+00	1789/QĐ-UBND ngày 03/09/2014	12.533	12.533	1.500	1.500	4.078	4.078	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
79	Trụ sở hợp khối HU-HĐND-UBND huyện Ba Bể	161/QĐ-UBND ngày 24/1/2013	79.991	79.991	44.120	44.120	6.878	6.878	100	UBND huyện Ba Bể	
80	Các trạm, chốt kiểm lâm thuộc KBT thiên nhiên Kim Kỳ, huyện Na Rì	1819/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	3.909	2.856	1.053		2.697	2.697	100	Chi cục Kiểm lâm	
81	Đường Vũ Muộn - Cao Sơn - Côn Minh	518/QĐ-UBND ngày 31/3/2014	105.636	13.587	92.049		7.816	7.816	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
82	Dự án CNSH xã Chu Hương, Ba Bể	1820/QĐ-UBND, 25/10/2013	13.161	12.059	6.133		4.722	4.722	100	TT NSH&VSMTN T	
83	Đường du lịch vào động Nàng Tiên	1119/QĐ-UBND ngày 17/6/2008	21.263	1.198	20.065		259	259	100	UBND huyện Na Rì	
84	Đường và đê bao chống lũ khu vực Bắc Sông Cầu	464/QĐ-UBND ngày 10/3/2009	40.751	7.718	30.916	6.846	1.594	1.594	100	UBND thành phố Bắc Kạn	
85	Kè chống xói lở bờ sông xã Chu Hương	1084/QĐ-UBND ngày 21/5/2009	6.405	1.155	5.250	5.250	574	574	100	UBND huyện Ba Bể	
86	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cũ của Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh để làm trụ sở làm việc của Sở Thông tin và truyền thông	1385/QĐ-UBND ngày 30/8/2013	2.099	2.099	550	550	1.387	1.387	100	Sở TT và TT	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
87	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đài PTTH BK GD2	2106/QĐ-UBND ngày 5/10/2010	39.900	39.900	33.660	33.660	6.134	6.134	100	Đài PT-TH	
88	Đường Yên Cư - Cao Kỳ huyện Chợ Mới	2600/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	32.585	7.991	30.315	7.200	605	605	100	UBND huyện Chợ Mới	
89	Trụ sở HĐND-UBND huyện Ngân Sơn	123/QĐ-UBND ngày 21/1/2013	31.183	31.183	20.814	20.814	8.189	8.189	100	UBND huyện Ngân Sơn	
90	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở tỉnh Bắc Kạn	1493/QĐ-UBND ngày 25/09/2015	3.996	2.196	3.570	1.770	275	275	100	Sở TT và TT	
91	Nâng cấp hồ chứa nước Nà Diều, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn	1015/QĐ-UBND ngày 07/02/2013	42.414	1.118	40.844		1.118	1.118	100	UBND huyện Ngân Sơn	
92	Kè chống xói lở bờ sông nằng khu vực thôn Kéo Sáng xã Thượng Giáo	1521/QĐ-UBND ngày 13/8/2008	11.254	5.867	5.387		3.008	3.008	100	UBND huyện Ba Bể	
93	Kè chống xói lở thôn Nà Chảo, Nà Tào xã Như Cồ	2157/QĐ-UBND ngày 16/12/2011	9.681	9.681	7.799	7.799	1.098	1.098	100	UBND huyện Chợ Mới	
94	Trạm y tế xã Quán Bình	1255/QĐ-UBND ngày 2/07/2013	3.810	3.810	1.300	1.300	1.732	1.732	100	UBND huyện Bạch Thông	
95	Trụ sở UBND xã Thượng Ân	1848/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	8.616	5.416	3.015		5.601	5.416	100	UBND huyện Ngân Sơn	
96	Sửa chữa lớn công trình đập kênh Quan Nưa xã Dương Quang và đập kênh Nà Giáo xã Lục Bình huyện Bạch Thông	2436/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	3.701	3.701	1.600	1.600	1.120	1.120	100	Sở NN&PTNT	
97	Trung tâm huấn luyện lực lượng dự bị động viên và lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu tỉnh Bắc Kạn	39/QĐ-UBND ngày 9/11/2008	55.465		15.400		2.338	2.338	100	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	



STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
98	Cải tạo đường Hào Nghĩa- Liêm Thủy.	1726/QĐ-UBND ngày 23/8/2010	52.162	14.519	43.361		2.274	2.274	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
99	Đường Bắc Sông Năng, huyện Ba Bể		7.680	7.680	7.403	7.403	331	331	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6.2	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		1.200.172	353.066	880.835	50.183	98.011	98.011			
1	Đường cứu hộ, cứu nạn vùng sạt lở, lũ quét huyện Pác Nặm (Đoạn tuyến Km5+00 – Km11)	451/QĐ-UBND ngày 16/3/2010	146.397	146.397			1.367	1.367		Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
2	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 257	258/QĐ-UBND ngày 25/01/2014	775.123	121.573	653.085		33.000	33.000	27	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
3	Công trình cải tạo nâng cấp hồ chứa nước Khuổi Chanh, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông	291/QĐ-UBND ngày 14/02/2014	8.757	1.566	7.191		1.566	1.566	100	UBND huyện Bạch Thông	
4	Trụ sở ban quản lý, các trạm kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc huyện Chợ Đồn	1785/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	9.158	9.158	4.607	4.607	4.551	4.551	100	Chi cục Kiểm lâm	
5	Xử lý thoát úng sau Bệnh viện đa khoa tỉnh	Số 2819 ngày 30/12/2011	14.007	13.793	12.385	11.885	1.158	1.158	95	UBND thành phố Bắc Kạn	
6	Khắc phục sạt lở đất tại tổ 4 phường Đức Xuân	3901 ngày 24/12/2009	14.712	1.712	13.000		181	181	11	UBND thành phố Bắc Kạn	
7	Dự án tượng đài chiến thắng Bắc Kạn (phần mỹ thuật)	3835/QĐ-UBND ngày 18/12/2009	14.618	14.618	12.118	12.118	859	859	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
8	Khu cách ly kiểm dịch động vật tỉnh Bắc Kạn.	2424/QĐ-UBND ngày 28/12/2011	3.837	3.837	1.600	1.600	25	25	42	Chi cục thú y	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
9	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 258 từ Km 45 đến km 48	1515/QĐ-UBND ngày 22/11/2002	12.920	1.020	11.489		1.020	1.020	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
10	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu văn hóa thể thao Tổng Địch	391/QĐ-UBND ngày 27/02/2009	6.950	6.950	4.812	4.812	2.138	2.138	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
11	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở HĐND-UBND và Nhà khách tỉnh Bắc Kạn	1951/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	2.355	2.355	1.700	1.700	655	655	100	VP UBND tỉnh	
12	Kè chống sạt lở xói mòn bờ sông thuộc dự án TT Bốc Lôm	391/QĐ-UBND ngày 27/02/2009	6.950	2.138	4.812		2.138	2.138	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
13	Điểm du lịch động Hua Mạ	1175/QĐ-UBND ngày 1/06/2009	6.288	1.257	5.031		1.257	1.257	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
14	Nhà thi đấu TDTT đa năng	444/QĐ-UB ngày 21/3/2005	79.998	9.747	69.450	8.000	1.747	1.747	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
15	Trụ sở UBND xã Khang Ninh	573/QĐ-UBND ngày 11/5/2010	5.303	989	4.314		989	989	100	UBND huyện Ba Bể	
16	Bổ sung trang thiết bị và xây dựng mạng tin học Bệnh viện đa khoa tỉnh	số 143/QĐ-UBND ngày 22/01/2010	5.470	60	5.410		60	60	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
17	Đường phía đông sông Cầu huyện Chợ Mới	2750/QĐ-UBND ngày 25/11/2004	21.127	330	18.074		330	330	100	UBND huyện Chợ Mới	
18	Đường vào trung tâm y tế huyện Chợ Mới	2608/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	6.757	6.757	5.461	5.461	1.296	1.296	100	UBND huyện Chợ Mới	
19	Dự án sửa chữa công trình CNSH thôn Nà Pục - Khuổi Lùng, xã Mỹ Phương	2213/QĐ-UBND, 28/11/2011	850	765	609		156	156	100	TT NSH&VSMTN T	

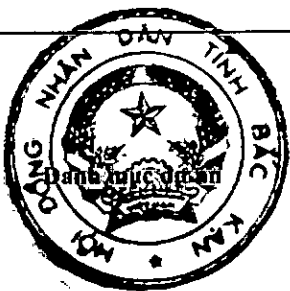
STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
20	Cụm công trình thủy lợi huyện Chợ Mới		31.655	3.413	25.243		3.413	3.413	100	UBND huyện Chợ Mới	
21	Cụm công trình thủy lợi huyện Bạch Thông	2254/QĐ-UBND ngày 22/10/2010	26.940	4.631	20.444		4.631	4.631	100	UBND huyện Bạch Thông	
22	Hoàn trả tạm ứng Quỹ tài chính						28.743	28.743		Sở Tài chính	
23	Hoàn trả số tiền giảm dự toán chi CTMTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn						3.100	3.100		Sở Tài chính	
24	Hoàn trả kiến nghị xử lý tài chính theo kết luận kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ năm 2013 (Đường Hào Nghĩa - Liêm Thủy)						3.631	3.631		Sở Tài chính	
7	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		1.600.309	357.311	1.049.034	43.954	411.706	182.259			
1	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm chữa bệnh - giáo dục lao động xã hội	1902/QĐ-UBND ngày 16/8/2005	34.168	14.967	19.201		14.524	14.524	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Nhà khoa xét nghiệm và hệ thống xử lý chất thải lỏng Y tế của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Bắc Kạn	1976a/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	7.272	2.772	4.795	295	1.750	1.750	90	TT Y tế dự phòng	
3	Kè chắn sạt lở đất khu dân cư thôn Hát Deng, trường PTDT Nội trú và trường TH thị trấn Yên Lạc	1978/QĐ-UBND ngày 02/12/2015	40.237	15.652	25.925	6.901	10.288	4.727	90	UBND huyện Na Rì	
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thị xã Bắc Kạn để trở thành Thành phố trực thuộc tỉnh		32.000	32.000	14.974	14.974	13.826	13.826	90	UBND thành phố Bắc Kạn	
5	Khắc phục sạt lở đất tại thôn Nà Khon xã Yên Đĩnh	89/QĐ-UBND 13/01/2014	9.852	9.852	3.500	3.500	2.727	2.727	90	UBND huyện Chợ Mới	
6	Cải tạo, nâng cấp đường từ bờ hồ đi Quảng Khê giai đoạn I	1604/QĐ-UBND ngày 1/10/2013	30.659	13.699	16.960		3.633	3.633	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Làng thanh niên lập nghiệp Hà Hiệu, tỉnh Bắc Kạn (phần vốn đối ứng của tỉnh)	650-QĐ/TWĐTN ngày 20/10/2014	3.295	3.295			3.295	3.295	100	Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Bắc Kạn	
8	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Phù Thông thành nghĩa trang Liệt sỹ của tỉnh,	1125/QĐ-UBND ngày 23/7/2014	22.292		9.286	266	13.006	5.000	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
9	Hỗ trợ GPMB Xử lý điểm đen đoạn từ Km192+300-Km193+250 trên QL3	1032/QĐ-TCĐBVN ngày 15/04/2015	13.300	13.300	0	0	13.000	13.000	100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
10	Trụ sở UBND xã Cao Trĩ, huyện Ba Bể	704/QĐ-UBND ngày 18/5/2016	11.907	1.774	4.236		7.071	1.174	95	UBND huyện Ba Bể	
11	Trụ sở hợp khối Thị ủy - HĐND - UBND thị xã Bắc Kạn	1787/QĐ-UBND ngày 30/10/2012	154.886	46.000	70.567	8.640	79.719	32.760	90	UBND thành phố Bắc Kạn	
12	Dự án bố trí dân cư khẩn cấp và đặc biệt khó khăn thôn Nà Tu, xã Cẩm Giang, huyện Bạch Thông	1683/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	37.647	5.350	10.000		23.882	4.813	90	Sở NN&PTNT	
13	Duy tu sửa chữa hạ tầng và mua sắm thiết bị cho Trung tâm y tế dự phòng tỉnh	1884A/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	12.115	2.021	8.556		2.348	810	90	TT Y tế dự phòng	
14	Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	1833/QĐ-UBND ngày 05-10-2011	982.870	98.164	759.706		136.936	11.936	91	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
15	Cải tạo, sửa chữa ĐT258 đoạn từ điểm đầu Khu du lịch Ba Bể tại Km42+00 (bến xuống Buốc Lóm) đến trung tâm Vườn Quốc gia Ba Bể tại Km48+200.	1923/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	53.683	25.123	11.143		37.172	19.755	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	



STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16	Cải tạo, sửa chữa và bổ sung thiết bị cho Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	1893/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	14.911	3.506	11.405		2.015	2.015	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
17	Kè chống xói lở cánh đồng xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn	704/QĐ-UBND ngày 26/05/2015	39.869	9.308	30.561		5.321	5.321	90	UBND huyện Chợ Đồn	
18	Xử lý khu vực có nguy cơ sạt lở cấp bách thôn Nà Chúa xã Thanh Vân	1681/QĐ-UBND ngày 05/10/2011	7.855	7.855	3.000	3.000	4.069	4.069	90	UBND huyện Chợ Mới	
19	Khắc phục sạt lở đất tại thôn Trung tâm xã Thanh Mai	2376/QĐ-UBND ngày 24/12/2013	4.313	4.313	3.000	3.000	882	882	90	UBND huyện Chợ Mới	
20	Chống sạt lở mái taluy dương sau trường mầm non xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới	2013/QĐ-UBND ngày 03/12/2010	2.887	2.887	2.000	2.000	598	598	90	UBND huyện Chợ Mới	
21	Kè chống xói lở bờ tả Sông Cầu thuộc Thôn Nà Di xã Dương Quang	1647/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	10.635	8.635	2.000		7.572	7.572	90	UBND thành phố Bắc Kạn	
22	Kè chống xói lở thôn Cò Luồng xã Thượng Quan	1055/QĐ-UBND ngày 19/5/2009	8.392	6.392	2.000		5.553	5.553	90	UBND huyện Ngân Sơn	
23	Chợ Quang Thuận	2372a/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	9.975	9.975	750	750	8.228	8.228	90	UBND huyện Bạch Thông	
24	Đường Bán Tàu xã Cao Thượng - Bán Vải xã Khang Ninh	1892/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	29.750	14.263	15.537		11.238	11.238	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
25	Trạm y tế thị trấn Yên Lạc	1788/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	5.009	1.509	3.550	50	958	958	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
26	Trạm y tế xã Cao Kỳ	739/QĐ-UBND ngày 16/5/2013	5.100	1.600	4.050	578	540	540	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
27	Khu di tích thanh niên xung phong Nà Tu tỉnh Bắc Kạn (phần vốn đối ứng của tỉnh)	674-QĐ/TWĐTN ngày 30/10/2014	1.700	1.700			1.530	1.530	90	Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Bắc Kạn	
28	Dự án sản xuất giống cam quýt và hồng không hạt tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2015	2053/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	13.731	1.399	12.332		26	26	90	Trung tâm giống cây trồng vật nuôi BK	
8	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		840.366	200.290	0	0	323.260	110.034			
8.1	Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các dự án ODA mới giai đoạn 2016-2020		805.631	167.985			290.464	79.425			Phân bổ chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo
8.2	Các dự án trong nước		34.735	32.305	0	0	32.796	30.609			
1	Xây dựng, cải tạo các hạng mục công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Bắc Kạn năm 2016	1831/QĐ-UBND ngày 07/11/2016	5.346	5.346			5.346	5.346	100	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
2	Sửa chữa đập tràn Bán Pjạc, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn		2.000	2.000			1.800	1.800	90	Vườn Quốc gia Ba Bể	
3	Đường vào khu di tích Coóng Tát, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn		3.459	2.600			3.113	2.340	90	UBND huyện Ngân Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Hỗ trợ Phụ nữ tỉnh Bắc Kạn	1768/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.926	2.926			2.633	2.633	90	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Khắc phục sạt lở đất khu dân cư Nà Cáy, thôn Thôm Mò, huyện Bạch Thông	1278/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	9.504	8.433			8.554	7.590	90	Sở NN&PTNT	
6	Cột anten tự đứng BK.100 Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Bắc Kạn		1.500	1.000			1.350	900	90	Đài PT-TH	
7	Di chuyển ban CHQS huyện Ngân Sơn (phần vốn đối ứng của tỉnh)		2.000	2.000			2.000	2.000	100	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
8	Di chuyển ban CHQS huyện Chợ Đồn (phần vốn đối ứng của tỉnh)		3.000	3.000			3.000	3.000	100	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	



STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ vốn bố trí	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
9	Di chuyển ban CHQS huyện Chợ Mới (phần vốn đối ứng của tỉnh)		5.000	5.000			5.000	5.000	100	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
V.II	Nguồn vốn phân cấp huyện điều hành						318.578	318.578			
1	Thành phố Bắc Kạn						57.814	57.814		UBND thành phố Bắc Kạn	
2	Huyện Pác Nặm						36.004	36.004		UBND huyện Pác Nặm	
3	Huyện Ba Bể						34.464	34.464		UBND huyện Ba Bể	
4	Huyện Ngân Sơn						33.826	33.826		UBND huyện Ngân Sơn	
5	Huyện Bạch Thông						30.809	30.809		UBND huyện Bạch Thông	
6	Huyện Chợ Đồn						54.748	54.748		UBND huyện Chợ Đồn	
7	Huyện Chợ Mới						32.027	32.027		UBND huyện Chợ Mới	
8	Huyện Na Rì						38.886	38.886		UBND huyện Na Rì	
B	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất						342.000	342.000			Phân bổ chi tiết sau
C	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:						53.100	53.100			Phân bổ chi tiết tại biểu số 03 kèm theo

Biểu số 02

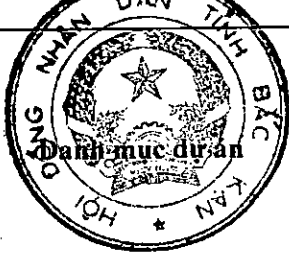
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA)

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

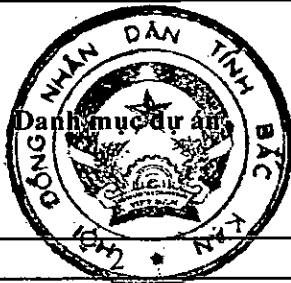
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số				
			Tổng số (vốn đối ứng)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (vốn đối ứng)	Trong đó: CĐNS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ		1.593.652	341.263	435.465	1.455	204.621		
A	Các dự án hoàn thành và chuyển tiếp		788.021	173.278	435.465	1.455	125.196		
I	Các dự án hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng trước năm 2015		419.071	66.368	299.201	355	37.062		
1.1	Đã quyết toán		46.110	15.130	22.286	0	5.424		
1	Dự án Đường giao thông nông thôn Bàng Lũng-Đại Sảo, huyện Chợ Đồn	1090 ngày 19/7/2013	24.901	10.642	12.013	0	3.072	Sở GTVT	
2	Dự án Lưới điện nông thôn xã Cư Lễ, Xuân Dương, Dương Sơn, Liêm Thủy huyện Na Rì	954 ngày 27/5/2008	9.576	2.098	4.599	0	2.098	UBND huyện Na Rì	
3	Dự án Cấp thoát nước và vệ sinh thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	183 ngày 10/02/2015	11.633	2.390	5.674	0	254		
-	Phản cấp nước		5.868	587	2.674	0	254	Cty cổ phần cấp thoát nước Bắc Kạn	
-	Phản thoát nước		5.765	1.803	3.000	0	0	UBND TT Yên Lạc	
1.2	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		372.961	51.238	276.915	355	31.638		
1	Dự án Quan hệ đối tác vì người nghèo trong phát triển nông lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn	2251/QĐ-UBND ngày 11/11/2008	59.620	8.800	43.157		5.000	Ban QLDA 3PAD	
2	Dự án Phát triển Du lịch bền vững tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng giai đoạn I	5284 ngày 22/12/2008	6.408	641	4.731	0	9.265	Sở VH-TTDL	
3	Dự án Xây dựng, nâng cấp, cải tạo đường GTNT đến các xã miền núi đặc biệt khó khăn tỉnh Bắc Kạn	923 ngày 18/6/2012	233.000	23.300	175.910	0	-	Sở GTVT	



STT	 Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số				
			Tổng số (vốn đối ứng)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (vốn đối ứng)	Trong đó: CĐNS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Dự án Tuyến đường từ 254B (Đại Sáo) -Khuổi Xóm-Pác Cộp, huyện Chợ Đồn	1236 ngày 30/7/2014	12.923	4.347	8.576	0	4.347	UBND huyện Chợ Đồn	
5	Bệnh viện đa khoa và Trung tâm đào tạo y tế tỉnh Bắc Kạn (Hợp phần Trung tâm đào tạo y tế tỉnh Bắc Kạn)		48.462	7.758	40.102	0	7.758	Ban QL Công trình BVĐK BK	
6	Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học (SEQAP)		5.709	5.709	355	355	4.585	Sở GD-ĐT	
7	Dự án Hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	1282 ngày 14/8/2013	6.839	683	4.084	0	683		
-	Phản cấp nước		1.515	151	1.364	0	151	Cty cổ phần cấp thoát nước Bắc Kạn	
-	Phản thoát nước		5.324	532	2.720	0	532	UBND TT Chợ Rã	
II	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		368.950	106.910	136.264	1.100	88.134		
1	Dự án Đường Đôn Phong-Nậm Tộc, huyện Bạch Thông	1157 ngày 07/8/2015	9.998	1.000	6.000	0	1.000	UBND huyện Bạch Thông	
2	Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc-thị xã Bắc Kạn (giai đoạn I)	1950 ngày 31/10/2014	19.780	1.978	9.000	1.100	7.878	UBND thành phố Bắc Kạn	Dự kiến điều chỉnh TMĐT
3	Dự án Đường giao thông nông thôn Nông Hạ-Yên Hân, huyện Chợ Mới giai đoạn I	249 ngày 24/01/2014	48.297	28.297	18.960	0		UBND huyện Chợ Mới	Trả nợ vay KBNN 5 tỷ
4	Dự án Phát triển giáo dục THPT-giai đoạn II	530 ngày 19/02/2014	6.363	6.363	0	0	5.783	Sở GDĐT	
5	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc	2881 ngày 13/11/2012	30.523	22.066	17.761	0	11.427	Sở NN&PTNT	
6	Dự án Nâng cấp, cải tạo ĐT 255, huyện Chợ Đồn	1231 ngày 11/07/2011	168.267	16.827	33.886	0	31.667	Sở GTVT	Dự kiến điều chỉnh TMĐT
7	Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện tỉnh Bắc Kạn	1310/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	1.909	1.909	0	0	1.909	Sở Y tế	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số				
			Tổng số (vốn đối ứng)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (vốn đối ứng)	Trong đó: CĐNS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Dự án Hỗ trợ kỹ thuật Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn (ADB tài trợ) - dự án thành phần tại tỉnh Bắc Kạn		1.115	1.115	0	0	1.115	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bố trí đủ theo tiến độ dự án
9	Dự án Cấp nước và vệ sinh thị xã Bắc Kạn	1513 ngày 22/9/2016	82.698	27.355	50.657	0	27.355		
-	Phân cấp nước		6.142	614	5.236	0	614	Cty TNHH NN ITV CTN BK	Đã QT
-	Phân thoát nước		76.556	26.741	45.421	0	26.741	Sở Xây dựng	
B	Các khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		805.631	167.985	0	0	79.425		
1	Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc- thị xã Bắc Kạn (giai đoạn II)	1721/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	217.499	21.750	0	0	15.000	UBND thành phố Bắc Kạn	Đã có hiệp định
2	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	3606/QĐ-UBND ngày 04/9/2015	16.946	16.946	0	0	5.000	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường	Đã có hiệp định
3	Dự án quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)		13.400	13.400	0	0	13.400	Sở GTVT	Đã có hiệp định
4	Dự án Kè sông Cầu kết hợp với phát triển rừng bền vững huyện Chợ Mới		38.527	38.527			4.270	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh
5	Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2		15.680	15.680	0	0	9.000	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	
6	Chương trình hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn	1438/QĐ-UBND ngày 07/09/2016	364.129	26.734	0	0	15.000	Ban quản lý dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn	Hiệp định ký tắt ngày 15/10/2016
7	Sửa chữa, nâng cấp an toàn đập		4.505	4.505			4.505	Sở NN&PTNT	

STT		Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số				
			Tổng số (vốn đối ứng)	Trong đó: CĐNS	Tổng số (vốn đối ứng)	Trong đó: CĐNS			
1		3	4	5	6	7	8	9	10
8	Dự án Giáo dục và đào tạo nghề Bắc Kạn giai đoạn II (VIE/034)		4.250	4.250	0	0	4.250	Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú	
9	Dự án đầu tư Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn (ADB tài trợ) - dự án thành phần tại tỉnh Bắc Kạn		130.695	26.193	0	0	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bố trí đủ theo tiến độ dự án

Biểu số 03

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT)

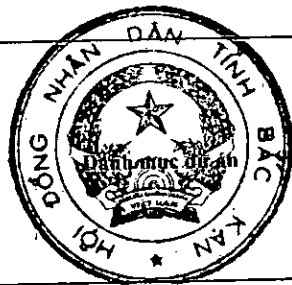
(Kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

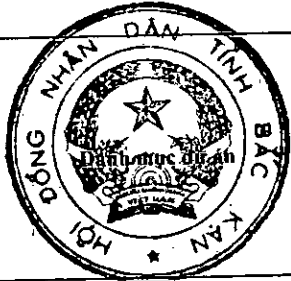
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định PD chủ trương ĐT, DA		Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư	
					Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2015		Kế hoạch 5 năm 2016-2020		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó vốn xổ số kiến thiết
1	2	3	4	5	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG					85.209	62.071	21.633	21.633	95.719	66.100	
A	LĨNH VỰC GIÁO DỤC					54257,94	38211,978	13790	13790	64390,962	43769	
I	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015					31.569	26.412	13.790	13.790	13.633	12.093	
1	Nâng cấp trường tiểu học thị trấn Chợ Rã I đạt chuẩn quốc gia	Thị trấn Chợ Rã	Nhà LH + PT	2015-2017	QĐ số: 435/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	7.717	4.100	100	100	4.000	4.000	UBND huyện Ba Bể
1	Trường Mầm non Hoàng Trĩ (QT)				2330/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	5.795	5.795	5.240	5.240	555	555	UBND huyện Ba Bể
2	Trường mầm non xã Văn Học (QT)	Văn Học	NLH + PT	2014-2015	QĐ số 1596/QĐ-UBND ngày 18/9/2014	5.441	5.441	4.000	4.000	960	960	UBND huyện Na Rì
3	Nhà hiệu bộ trường MN xã Hương Nê (QT)	Xã Hương Nê	130 m2	2015-2016		825	825	350	350	427	427	UBND huyện Ngân Sơn
4	Xây dựng trường tiểu học Như Cố II đạt chuẩn Quốc gia	Chợ Mới			2504/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	5.251	5.251	4.000	4.000	1.251	1.251	UBND huyện Chợ Mới
5	Trường mầm non Sông Cầu	TX Bắc Kạn	NLH 3T, 1023 m2	2016 - 2018	2504/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	6.540	5.000	100	100	6.440	4.900	Thành phố Bắc Kạn
II	Dự án khởi công mới GD 2016-2020					22.689	11.800	0	0	50.758	31.676	
1	Trường THCS Văn Tùng	Văn Tùng		2016 - 2017	QĐ796/QĐ-UBND ngày 03/6/2016	1.869	1.800			1.869	1.800	UBND huyện Ngân Sơn

STT		Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định PD chủ trương ĐT, DA		Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư	
					Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2015		Kế hoạch 5 năm 2016-2020			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn xố số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn xố số kiến thiết		
1		3	4	5	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Trường Mầm non Địa Linh đạt chuẩn QG	Xã Địa Linh	Nhà LH + PT	2017 - 2019						6.500	4.210	UBND huyện Ba
3	Trường Mầm non Rã Bàn, h Chợ Đồn	Xã Rã Bàn		2016 - 2018	QĐ 1598a/QĐ-UBND, ngày 7/10/2016	7504	5000			7.504	5.000	UBND huyện Chợ Đồn
4	Trường Mầm non Đông Viên, h Chợ Đồn	Xã Đông Viên	Nhà 2 tầng	2018 - 2020						5.000	3.200	UBND huyện Chợ Đồn
5	Phòng học bộ môn trường THCS Kim Lư	Xã Kim Lư		2017 - 2019						4.000	2.700	UBND huyện Na Rì
6	Trường MN xã Hào Nghĩa h. Na Rì			2020						2.000	1.800	UBND huyện Na Rì
7	Trường Tiểu học Đức Vân (Hạng mục: Nhà đa năng)			2019-2020						2.000	1.800	UBND huyện Ngân Sơn
8	Trường Mầm non Bằng Vân (Hạng mục: 03 phòng học)			2018-2019						1.200	1.100	UBND huyện Ngân Sơn
9	Trường THCS Bằng Vân (lớp học 4P, nhà đa năng)			2017 -2019						3.500	3.166	UBND huyện Ngân Sơn
10	Trường Mầm non Tân Tiến (HM: Nhà chức năng; nhà hiệu bộ; Sửa chữa nâng cấp nhà bếp)	Tân Tiến		2020						2.200	1.900	UBND huyện Bạch Thông
11	Trường THCS Nông Thượng	TX Bắc Kạn		2019-2020	QĐ 1641/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	13.316	5.000			14.985	5.000	Thành phố Bắc Kạn
B	LĨNH VỰC Y TẾ					26539,63	20408,62996	7643	7643	17588	11361	
I	Dự án chuyển tiếp từ GD 2011-2015					12.247	11.109	7.643	7.643	3.717	2.061	
1	Trạm Y tế xã Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ	Nhà 2T, 531m2	2014-2015	QĐ796/QĐ-UBND ngày 15/5/2014	5.648	5.648	4.000	4.000	761	761	UBND huyện Chợ Đồn

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định PD chủ trương ĐT, DA		Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư	
					Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí từ-KC đến hết năm 2015		Kế hoạch 5 năm 2016-2020			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn xố số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn xố số kiến thiết		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1	2	3	4	5	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Trạm y tế xã Phương Linh	Bạch Thông		2014-2016	1405/QĐ-UBND ngày 21/8/2014	6.599	5.461	3.643	3.643	2.956	1.300	UBND huyện Bạch Thông
II	Dự án khởi công mới GD 2016-2020					14.293	9.300	0	0	13.871	9.300	
1	Trạm y tế xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến		2016-2019		7.538	4.300			6.000	4.300	UBND huyện Bạch Thông
3	Trạm y tế xã Dương Quang	TX Bắc Kạn		2016-2019	QĐ 1519/QĐ-UBND ngày 23/9/2016	6.755	5.000			7.871	5.000	Thành phố Bắc Kạn
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA					4411,518	3450	200	200	12570,518	9800	
I	Dự án chuyển tiếp từ GD 2011-2015					2.870	2.100	100	100	2.870	2.000	
1	Sửa chữa Nhà văn hóa huyện Na Rì	TTr. Yên Lạc	Nâng cấp	2015-2016	434/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	2.870	2.100	100	100	2.870	2.000	UBND huyện Na Rì
II	Dự án khởi công mới GD 2016-2020					1.542	1.350	100	100	9.701	7.800	
1	Xây dựng nhà VH tổ 2 thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới	Chợ Mới	95 m2	2016	437/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	743	650	0		743	650	UBND huyện Chợ Mới
2	Xây dựng nhà VH tổ 5 thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới	Chợ Mới	140 m2	2016	434/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	799	700	0		799	700	UBND huyện Chợ Mới
3	Nhà Văn hóa xã Hà Hiệu	Ba Bể		2017						1.150	900	UBND huyện Ba Bể
4	Nhà Văn hóa xã Hào Nghĩa	Xã Hào nghĩa	Nâng cấp	2019				100	100	1.100	900	UBND huyện Na Rì
5	Nhà Văn hóa xã Quang Thuận	Quang Thuận		2017-2018						1.309	1.050	UBND huyện Bạch Thông



STT		Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định PD chủ trương ĐT, DA		Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư	
					Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2015		Kế hoạch 5 năm 2016-2020			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn xố số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Nhà Văn hóa xã Như Cồ	Như Cồ		2017						1.150	900	UBND huyện Chợ Mới
7	Nhà Văn hóa xã Yên Định			2018						1.150	900	UBND huyện Chợ Mới
8	Nhà Văn hóa xã Bình Văn			2019						1.150	900	UBND huyện Chợ Mới
9	Nhà Văn hóa xã Nông Thịnh			2020						1.150	900	UBND huyện Chợ Mới
										1.170	1.170	
D	DỰ PHÒNG											

